

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO NGHỊ QUYẾT 13-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XIII

NGUYỄN NGỌC DIỄM*

Triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát triển bền vững, là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới. Để Nghị quyết đi vào thực tiễn, cần thêm các kế hoạch cụ thể, các phân tích, đánh giá nguồn lực, xác định thế mạnh, điểm hạn chế để có những chính sách và chiến lược huy động nguồn lực phù hợp. Trên cơ sở tổng quan và phân tích một số vấn đề nổi bật về phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng bằng Sông Cửu Long được nêu trong Nghị quyết 13-NQ/TW và tình hình thực tiễn vùng, bài viết đề xuất các giải pháp cần thiết để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, hỗ trợ các chính sách liên quan nhằm thực hiện mục tiêu phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long theo Nghị quyết 13-NQ/TW hiệu quả hơn.

Từ khóa: Nghị quyết 13-NQ/TW, nông nghiệp bền vững, Đồng bằng sông Cửu Long

Nhận bài ngày: 01/12/2023; đưa vào biên tập: 01/12/2023; phản biện: 13/12/2023; duyệt đăng: 15/12/2023

1. DẪN NHẬP

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu hàng đầu Đông Nam Á, là vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn nhất Việt Nam.

Đây cũng là vùng đất quan trọng đối với Nam Bộ và cả nước trong phát triển kinh tế, hợp tác đầu tư và giao thương với các nước trong khu vực và thế giới. Vùng ĐBSCL được chia thành 3 tiểu vùng: vùng cao, vùng thấp và vùng ven biển Kiên Giang.

(1) Vùng cao ở phía tây gồm các tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long là Đồng

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Tháp, An Giang, Cần Thơ, phần phía tây các tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang và phần phía đông Kiên Giang (đây là vùng thường bị ngập vào mùa mưa bởi nước sông Cửu Long dâng lên);

(2) Vùng thấp ở duyên hải phía đông gồm các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, phần phía đông Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang;

(3) Vùng ven biển Kiên Giang (là vùng thường bị mặn xâm nhập vào mùa khô), nhờ có khí hậu cận xích đạo nên thuận lợi phát triển ngành nông nghiệp (mưa nhiều, nắng nóng) đặc biệt là phát triển trồng lúa nước và cây lương thực.

Theo Tổng cục Thống kê (2021), dân số ĐBSCL là 17.422.620 người, chiếm 17,6% tổng dân số cả nước, bình quân 441 người/km². Trong đó, dân số đang trong độ tuổi lao động là 9.361.400 người với 14,61% đã qua đào tạo.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình (quy đổi giá trị từ GRDP) của các tỉnh ĐBSCL, theo VCCI Cần Thơ và FSPPM (2022), cao hơn cả nước (năm 2019 tăng 8,1% trong khi cả nước tăng 7,02%). Tuy nhiên, năm 2020 với nhiều tác động từ dịch bệnh Covid-19, tăng trưởng của ĐBSCL chỉ ở mức 2,6% so với mức trung bình 2,91% của cả nước, chiếm 17,34% tổng giá trị GRDP của cả nước. Điều này cho thấy tác động của dịch COVID-19 với vùng là rất lớn. Cơ cấu

kinh tế của ĐBSCL ở khu vực I (nông - lâm - thủy sản) là 31,2%, khu vực II (công nghiệp - xây dựng) là 20,61%, khu vực III (dịch vụ) là 39,7%, thuế nhập khẩu và sản phẩm chiếm 3,5%. Điều này cho thấy khu vực nông thủy sản và bán lẻ và dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của ĐBSCL. Năm 2021, sản lượng lúa của ĐBSCL đạt 24,327 triệu tấn, chiếm 55,32% tổng sản lượng lúa của cả nước, sản lượng thủy sản đạt 4.892.819 tấn chiếm 57,56% tổng sản lượng thủy sản của cả nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2021 đạt 928.524,80 tỷ đồng chiếm 20% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ của nước. Điều này chứng tỏ ĐBSCL có vai trò quan trọng trong cơ cấu GDP của cả nước, đóng góp giá trị lớn ở khu vực I và khu vực III.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vào vùng ĐBSCL trong năm 2020 đạt 28,09 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt 18,77 tỷ USD, giá trị nhập khẩu chỉ bằng phân nửa (9,32 tỷ USD), thặng dư thương mại của vùng trong năm là 9,45 tỷ USD. Nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực của vùng là gạo, thủy sản, trái cây và các mặt hàng gia công giày da và may mặc. Tính tới hết năm 2021, các tỉnh, thành phố của ĐBSCL thu hút được 1.820 dự án (còn hiệu lực), với tổng vốn là 33.969,10 triệu USD, chiếm gần 5,3% số dự án và 8% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước (34.479 dự án FDI với tổng vốn 419.884,12 triệu USD). Trong năm 2021 toàn vùng ĐBSCL có

86 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký 5.628,08 triệu USD (VCCI Cần Thơ, 2021; Tổng cục thống kê Việt Nam, 2021).

Nhận thức được tầm quan trọng của vùng ĐBSCL đối với cả nước trên các phương diện, ngày 2/4/2022 Bộ chính trị khóa XIII ra Nghị quyết 13-NQ/TW xác định mục tiêu phát triển ĐBSCL một cách hài hòa, “toàn diện theo hướng sinh thái, văn minh, bền vững, mang bản sắc sông nước”. Theo đó, ĐBSCL sẽ tập trung vào các dự án lớn như đào tạo nghề, cơ giới hóa, canh tác lúa gắn với tăng trưởng xanh, ứng dụng khoa học công nghệ cao và phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu dựa trên quan điểm nông nghiệp bền vững, đánh giá thực trạng nông nghiệp vùng ĐBSCL qua một số vấn đề nhằm hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết 13-NQ/TW.

2. QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Các ảnh hưởng môi trường cùng với vấn đề dịch bệnh đã và đang làm bộc lộ nhiều vấn đề về hình thức canh tác và sản xuất nông nghiệp truyền thống... Nhiều yêu cầu đổi mới đặt ra cho nền nông nghiệp để có những thay đổi phù hợp nhằm tăng chất lượng sản phẩm nông nghiệp và tăng chuỗi giá trị nông nghiệp. Nông nghiệp bền vững đang trở thành mục tiêu chung của nhiều quốc gia, kể cả những nước phát triển. Đây được xem là một yếu tố trong phát triển bền vững, khẳng định hoạt động nông

ng nghiệp phải song song với bảo vệ môi trường, vì môi trường khỏe thì cây trồng, vật nuôi khỏe và con người khỏe.

Theo Gomiero (2021) khái niệm “nông nghiệp bền vững” (sustainable agriculture) được Wes Jackson đưa ra năm 1978 trong bài *Toward a Sustainable Agriculture* (Hướng tới một nền nông nghiệp bền vững) và ông được xem là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ này. Năm 1980, trong *New Roots for Agriculture (Farming and Ranching)* (Những gốc rễ mới cho nông nghiệp – Trồng trọt và chăn nuôi), khái niệm “nông nghiệp bền vững” được Wes Jackson phân tích sâu hơn.

Trong một bài báo năm 1983, Rodale đề xuất khái niệm “nông nghiệp tái sinh”, đề cập đến nhu cầu nông nghiệp dựa trên nguyên tắc tương tác sinh thái (Harwood, 1990). Khái niệm này hướng tới áp dụng các thực hành nông nghiệp nhằm bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất và nước, bằng cách dựa vào các yếu tố đầu vào nhân tạo tối thiểu từ bên ngoài hệ thống trang trại và phục hồi sau những xáo trộn do trồng trọt và thu hoạch, trong khi khả thi về mặt kinh tế và xã hội (Gomiero và cộng sự, 2011).

“Nông nghiệp bền vững” sau đó được Ban Nông nghiệp của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (Board on Agriculture of the National Research Council) của Mỹ thúc đẩy nghiên cứu và thể hiện dưới tên gọi là “Alternative

Agriculture” (Nông nghiệp chuyển đổi) nhằm hướng dẫn cách canh tác dựa vào vận hành của hệ sinh thái tự nhiên và được giới thiệu ở Dự luật Nông nghiệp Mỹ 1990 (The US Agriculture 1990 Farm Bill) (Gomiero và cộng sự, 2011).

Các nghiên cứu sau này tập trung hơn vào công nghệ, chuỗi giá trị nông nghiệp. Các nhà nghiên cứu cũng cố gắng đơn giản hóa cách hiểu nhưng lồng ghép nhiều chỉ số hơn cho quá trình thực hành. Cùng với sự thống nhất trong khái niệm “phát triển bền vững” (sustainable development) được UN công nhận, khái niệm “nông nghiệp bền vững” được lồng ghép nhiều chỉ số môi trường và mục tiêu hướng xa hơn đến sự bảo đảm cho các thế hệ tương lai. Runowski xem “nông nghiệp bền vững” là hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao, mang tính bền vững, có tính đến cơ cấu kinh tế, xã hội sao cho duy trì được nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo (theo Kociszewski, 2018); về lâu dài, phải đảm bảo một mức sản xuất mong muốn, cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội mà không làm suy giảm chất lượng và định lượng tài nguyên môi trường cơ bản. Ở quy mô nhỏ, nông nghiệp bền vững dựa trên các phương pháp sản xuất thân thiện với môi trường mang lại thu nhập tương xứng cho nông dân và thuận lợi cho hoàn cảnh xã hội; dựa trên các trang trại quy mô vừa và nhỏ, có ảnh hưởng đến việc phân phối thu nhập từ nông nghiệp và các hoạt động kinh tế

khác một cách rộng rãi và tương đối công bằng. Chính vì những yếu tố này mà nông nghiệp bền vững có vai trò rất quan trọng, không chỉ giúp giải quyết các vấn đề môi trường trước mắt, ủng hộ các quy định bảo vệ môi trường, mà còn hướng tới giải quyết vấn đề sinh kế lâu dài, đa dạng hóa hoạt động kinh tế địa phương bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, dịch vụ...

Về sau, nhiều khái niệm và mô hình được sử dụng trong nông nghiệp bền vững như: “Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững” (Sustainable Agriculture and Rural Development - SARD), “phát triển nông thôn đa chức năng” (Multifunctional Rural Development - MRD) và “nông nghiệp đa chức năng” (Multifunctional Agriculture). Đây là những khái niệm và mô hình được Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) đưa ra. Cụ thể, SARD được đưa ra trong hội nghị do Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) tổ chức tại Rome năm 1989, và được mô tả: đó là sự phát triển của các khu vực nông thôn được quản lý với việc sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và với sự thay đổi công nghệ và thể chế nhằm đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai (FAO, 1989). Sau đó, SARD đã được đưa vào Tuyên bố Rio và trong Chương trình nghị sự 21 vào năm 1992. Có ba ưu tiên chính của quy trình này, gồm (1) an toàn thực phẩm; (2) cung cấp đủ thu nhập, điều kiện sống và làm

việc tốt cho tất cả những người làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; (3) bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (Zegar, 2003). Có thể thấy ba khía cạnh của phát triển bền vững ở khái niệm SARD là xã hội, môi trường và kinh tế.

Các nghiên cứu về phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững được triển khai từ sớm ở Việt Nam. Các nghiên cứu cũng chỉ ra “sức ỳ” của ngành nông nghiệp Việt Nam, dù có được lợi thế về tài nguyên (đất, nguồn nước, sinh thái,...) và thời tiết, khí hậu... nhưng các vấn đề về công nghệ, con người, tầm nhìn, chiến lược... đều chưa đáp ứng. Tám nhóm vấn đề mà nhóm nghiên cứu Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng (2016) nêu ra, gồm: (1) sức cạnh tranh kém, (2) năng suất lao động kém, (3) vốn đầu tư tăng qua các năm nhưng chưa đủ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, (4) quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phụ thuộc nhiều yếu tố đầu vào như phân, giống, thú y, (5) thị trường đầu ra chưa ổn định và bị động, (6) tác động của các hiệp ước quốc tế khi Việt Nam chưa chuẩn bị đầy đủ nội lực, (7) kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm còn kém, và (8) kinh phí đầu tư cho khoa học thấp, chất lượng nghiên cứu chưa tương ứng tổng mức đầu tư (do dàn trải), và việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp chưa cao. Đến thời điểm hiện nay, các vấn đề này vẫn còn tồn tại phổ biến ở ĐBSCL mặc dù đã có cải thiện.

Với các vấn đề được đặt ra, để hoạt động nông nghiệp gắn liền với sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL cần những chiến lược rõ ràng, mang lại hiệu quả để những người nông dân vận dụng được công nghệ và làm chủ được mảnh đất mà họ canh tác.

Một số nghiên cứu chỉ ra nông nghiệp bền vững có thể chưa phù hợp với điều kiện tại một số vùng nông thôn do các chi phí môi trường và tri thức địa phương trong nông nghiệp truyền thống đã ăn sâu vào thói quen người nông dân. Việc cải tiến kỹ thuật hay các đầu tư ban đầu mang tính lâu dài trong bảo vệ môi trường có thể là rào cản nếu không kèm các chế tài và chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước. Việc xiết chặt quy định không kèm chính sách hỗ trợ có thể đưa đến vấn đề xáo trộn sinh kế địa phương và dịch chuyển lao động nông thôn ra đô thị... Địa hình, địa thế cũng là yếu tố khiến chi phí cho yếu tố môi trường trong nông nghiệp bền vững tăng cao. ĐBSCL với hệ thống kênh rạch chằng chịt nên một trong những quan tâm hàng đầu trong hoạt động nông nghiệp là cần có những phương pháp hiệu quả bảo vệ nguồn nước. Giá trị kinh tế của nông nghiệp thấp nên các áp lực về phát triển quy mô và kiểm soát chi phí cũng như đầu ra sản phẩm luôn là bài toán khó giải quyết.

3. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG – MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ NGHỊ QUYẾT 13-NQ/TW

3.1. Những nội dung chính của Nghị quyết 13-NQ/TW

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị đã đưa ra 3 nhóm mục tiêu chính để phát triển vùng ĐBSCL:

- Nghị quyết nhấn mạnh vai trò chiến lược của vùng ĐBSCL trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cả nước.

- Nghị quyết đề ra mục tiêu đến năm 2030, ĐBSCL trở thành một vùng kinh tế trọng điểm, có sự phát triển bền vững, hài hòa giữa các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và an ninh quốc gia.

- Nghị quyết chỉ ra những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu đó, bao gồm: xây dựng và củng cố hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả và bền vững, khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu...

Nghị quyết cũng đề ra một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030: Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2021. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng sản phẩm (GRDP) của vùng khoảng 20%; công nghiệp - xây dựng khoảng 32%; dịch vụ khoảng 46%; thuế và trợ cấp khoảng 2%. GRDP bình quân đầu

người đạt khoảng 146 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42 - 48%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nâng cao.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 75 - 80%. Điều này đồng nghĩa lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm đi. Theo đó, để bảo đảm vị thế nông nghiệp và an ninh lương thực quốc gia thì việc áp dụng công nghệ cao để giảm công lao động và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp là cần thiết.

Đến năm 2045, ĐBSCL là vùng có trình độ phát triển khá so với cả nước, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phân bổ hợp lý và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, tương đối phù hợp với điều kiện tự nhiên đa dạng sinh học, văn hóa và con người của Nam Bộ, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao.

Riêng đối với ngành nông nghiệp, Nghị quyết số 13-NQ/TW nêu mục tiêu năm 2030, phải xây dựng vùng ĐBSCL hiện đại, sinh thái, văn minh, phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc dân tộc văn hóa sông nước; là vùng trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng và giá trị gia tăng của Quốc gia, khu vực và thế giới.

3.2. Một số vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các mục tiêu của Nghị quyết 13-NQ/TW

ĐBSCL là vùng nông nghiệp lớn nhất cả nước, có tiềm năng và lợi thế về đất đai, nước, khí hậu và thị trường. Hiện nay, ĐBSCL đã chú trọng áp dụng quan điểm nông nghiệp bền vững và tiến hành xây dựng nền nông nghiệp bền vững. ĐBSCL đã có những chính sách tháo gỡ để giải quyết 8 nhóm vấn đề (mà nhóm nghiên cứu Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng nêu ra từ 2016). Việc nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp cũng như giảm giá thành sản xuất được quan tâm. Khoa học, kỹ thuật, công nghệ được đầu tư và áp dụng nhằm cải thiện hiệu quả, giảm lao động (nhất là trong điều kiện lao động nông nghiệp thiếu hụt do tác động của di cư); đồng thời việc đào tạo lao động chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp cũng được chú trọng. Các giải pháp cho đầu ra được nâng cao thông qua các hoạt động quảng bá sản phẩm, ký kết hợp tác, bao tiêu, xây dựng các mini app và sàn thương mại điện tử để đưa sản phẩm nông nghiệp đến với người tiêu dùng thuận tiện hơn...

ĐBSCL đã tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thích nghi với biến đổi khí hậu và nhu cầu thị trường bằng cách thiết lập các vùng chuyên canh cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, và thay thế trồng lúa bằng các loại cây trồng khác với các cánh đồng lúa không hiệu quả, hoặc luân canh lúa với các loại cây trồng khác trên cùng một cánh đồng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng

đã đề ra định hướng phát triển ngành nông nghiệp cho các tiểu vùng thượng nguồn sông, vùng giữa và vùng ven biển ĐBSCL đến năm 2030. Vùng thượng nguồn sông Cửu Long sẽ phát triển nông nghiệp đa dạng, tập trung vào lúa và cá tra trên cơ sở bền vững. Ở vùng giữa, nghề làm vườn sẽ là trọng tâm nhằm phát triển vùng trở thành khu vực cung ứng trái cây lớn nhất cả nước. Vùng ven biển sẽ phát triển nông nghiệp chủ yếu dựa vào nước mặn và nước lợ và phát huy lợi thế này vào nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, vùng này cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường, cạnh tranh quốc tế. Điềm qua một số đặc thù vùng ĐBSCL, có thể đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW còn gặp một số vấn đề trong phát triển nông nghiệp của vùng:

(1) *Thiếu nguồn vốn*: Để phát triển nông nghiệp bền vững, cần đầu tư vào các công trình hạ tầng, kỹ thuật mới và các sản phẩm công nghệ cao. Tuy nhiên, ngân sách của các tỉnh trong ĐBSCL hiện nay chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu này.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, logistics là một yếu tố không thể thiếu trong phát triển. Tuy được quan tâm đầu tư nhiều vào những năm gần đây nhưng tốc độ và mức đầu tư cho lĩnh vực này của ĐBSCL so các vùng khác còn hạn chế.

Nguồn vốn đầu vào cho nông nghiệp bền vững của vùng còn chưa nhiều,

chưa đủ để triển khai áp dụng khoa học công nghệ cao. Sản xuất nông nghiệp ĐBSCL nhìn chung vẫn còn lạc hậu dù tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp bền vững có tăng lên và có những tác động đáng kể đến tư duy sản xuất nông nghiệp của nhiều người dân.

Đầu tư xây dựng thương hiệu (qua truy xuất nguồn gốc, đăng ký tham gia các tiêu chuẩn sản phẩm sạch, an toàn,...) chưa cao do chi phí và môi trường pháp lý còn nhiều bất cập...

Để tháo gỡ vấn đề về vốn, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, với chính sách cho vay tín chấp ở hạn mức phù hợp; Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 7/3/2017, dành ít nhất 100.000 tỷ đồng để thực hiện chương trình cho vay với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường từ 0,5% - 1,5% đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Đặc biệt, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 7/9/2018, của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có nhiều điểm đột phá mới về cho vay đối với các dự án nông nghiệp công nghệ cao như: cho doanh nghiệp được vay không có tài sản đảm bảo tối đa bằng 70% - 80% giá trị dự án nông nghiệp công nghệ cao với hình thức cho vay linh hoạt; ưu đãi về tiền thuê đất, cắt

giảm thủ tục hành chính... (theo Lê Linh, 2020). Mặc dù vậy, do nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế nhiều rủi ro nên các chính sách này chưa đủ khuyến khích các nhà đầu tư.

(2) *Thiếu nhân lực chất lượng cao*: Phát triển nông nghiệp bền vững yêu cầu có nhân lực chất lượng cao để thực hiện các công việc liên quan đến kỹ thuật và công nghệ. Thực tế hiện nay, nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực này còn rất thiếu.

ĐBSCL đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc phát triển nhân lực chất lượng cao dù có một số chính sách và dự án được triển khai nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong vùng.

Đào tạo lao động cho nông nghiệp bền vững là một trong những nội dung của Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025. Theo đó, lao động được đào tạo sẽ nắm được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất, chế biến, quản lý vùng chuyên canh, truy xuất nguồn gốc, mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp.

Theo *Báo cáo kinh tế thường niên ĐBSCL năm 2020* (VCCI Cần Thơ và FSPPM, 2022), lực lượng lao động chất lượng cao được coi là yếu tố quan trọng để vùng này bứt phá trong tương lai. Báo cáo cũng đề cập đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, liên kết với các trường đại học, quan tâm đến chuyển giao tiến bộ

công nghệ và kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân. Ngoài ra, một số địa phương như tỉnh Đồng Tháp đã triển khai 5 khâu đột phá chiến lược giai đoạn 2020 - 2025, trong đó có tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ lao động để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập toàn cầu.

Ban Chỉ đạo Phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL dự kiến tập trung đẩy mạnh thực hiện một số đề án lớn trong năm 2023 như: dự án thí điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nhưng hiện tại các chính sách và dự án phát triển nhân lực chất lượng cao ở ĐBSCL vẫn còn rất hạn chế và không đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Trong khi đó sức hút lao động qua đào tạo từ TPHCM về ĐBSCL rất thấp.

(3) *Thiếu chính sách hỗ trợ*: Các chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL hiện nay còn rất hạn chế và không đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Một số hoạt động có thể điểm qua như các dự án:

- . Thành lập Trung tâm Cơ giới hóa vùng;
- . Canh tác 1 triệu ha lúa gắn với tăng trưởng xanh;
- . Phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số;
- . Ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chế biến nông sản;
- . Mini app hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm;...

Các dự án hỗ trợ có sự đa dạng nhưng nhìn chung quy mô còn nhỏ hoặc chưa phát huy đầy đủ hiệu quả. Ví dụ, mô hình du lịch sinh thái kết hợp nông nghiệp thành công ở một số nơi nhưng nhiều nơi chưa định vị được; mini app đầu ra sản phẩm nông nghiệp cũng chỉ mới một số tỉnh đang triển khai...

(4) *Thiếu môi trường, điều kiện cho đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao*

Chính sách chuyển đổi số hiện nay được đẩy mạnh nhưng nguồn nhân lực để triển khai thiếu. Kinh nghiệm các nước cho thấy, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp giúp thay đổi quy trình sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, nâng cao chất lượng, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, thay đổi quản trị sản xuất bằng nông nghiệp số để tăng thu nhập cho nhà nông và tiếp cận các tiêu chuẩn của thế giới.

Từ cuối năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hợp tác với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thực hiện dự án Trung tâm Đổi mới sáng tạo xanh trong nông nghiệp và thực phẩm Việt Nam (GIC Việt Nam), nhằm thúc đẩy và tăng cường năng lực áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo và những mô hình kinh tế có tính cạnh tranh tại khu vực ĐBSCL. Sáu tỉnh thuộc ĐBSCL (An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang và Sóc Trăng) được lựa chọn triển khai. Giai đoạn 2020 - 2024, GIC Việt Nam sẽ hỗ trợ 20.000 nông hộ

sản xuất nhỏ cải thiện chất lượng sản phẩm nông sản nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của thị trường quốc tế, nâng cao thu nhập từ 15 -20%. GIC Việt Nam đồng thời thực hiện đào tạo 12.000 nông hộ cải tiến hệ thống canh tác theo hướng bền vững, áp dụng các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực lên môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, tăng cường khả năng thích nghi và chống chịu trước các tác động của biến đổi khí hậu... (theo Ngọc Linh, 2022).

Nhìn chung, dù có những nỗ lực, hoạt động đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao ở ĐBSCL vẫn đối mặt nhiều khó khăn và thách thức. Nghị quyết số 13-NQ/TW tuy có đề ra một số giải pháp mang tính định hướng như: tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng số... nhưng quá trình triển khai các giải pháp này vào thực tế cần có những bước đi cụ thể, hiệu quả.

(5) *Thiếu kiểm soát và quản lý*: Việc kiểm soát và quản lý các hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL còn nhiều thiếu sót. Điều này dẫn đến việc ô nhiễm môi trường và giảm chất lượng sản phẩm. Hiện nay, các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, các tiêu chuẩn về quản lý nguồn gốc sản

phẩm được quy định nhưng việc kiểm tra, giám sát chưa được đẩy mạnh. Nhiều hoạt động sản xuất theo hình thức làng nghề, quy mô hộ gia đình,... vẫn theo thói quen thủ công và về quản lý địa phương cũng chưa thật sự quản lý nghiêm mà chủ yếu vẫn ở hình thức tuyên truyền, nhắc nhở... Trong hoạt động nuôi trồng vẫn lạm dụng thuốc, lạm dụng chế phẩm hóa học,... Vì vậy, công tác bảo vệ môi trường theo hướng nông nghiệp bền vững gặp rất nhiều khó khăn.

Tuy ĐBSCL chiếm 95% sản lượng gạo xuất khẩu và 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước, nông nghiệp vùng này vẫn đang tụt hậu so với các vùng nông nghiệp trọng điểm khác. Máy móc và phương pháp canh tác, sản xuất lạc hậu cũng là một trong những rào cản của phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL.

Đến 2025, vùng ĐBSCL tập trung phát triển 8 trung tâm đầu mối về nông nghiệp tại khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng và nguồn nước. Đồng thời, vùng phát triển hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại 4 hành lang phát triển và các khu vực động lực phát triển theo Quyết định 816/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (xem thêm *Quyết định 816/QĐ-TTg*).

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nông nghiệp bền vững là xu hướng nông nghiệp phù hợp với mục tiêu

phát triển bền vững. Với thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL là cần thiết. Nghị quyết 13-NQ/TW cho thấy sự quan tâm và ủng hộ từ Bộ Chính trị đối với hướng phát triển này. Để thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW cần triển khai hiệu quả các chính sách hiện có và bổ sung, hoàn thiện các chính sách còn thiếu, còn kém hiệu quả để phát triển vùng ĐBSCL thành vùng nông nghiệp phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, để nông nghiệp bền vững thực sự là hướng đi, là chiến lược trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam thời gian tới, Việt Nam không chỉ nghiên cứu và áp dụng công nghệ mà cần có sự tham gia của xã hội. Sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm của toàn xã hội, nên mỗi người tiêu dùng cũng là một phần của “hệ sinh thái nông nghiệp” nói chung.

Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW:

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thích nghi với biến đổi khí hậu và nhu cầu thị trường, như: cải thiện, cải tạo và bảo vệ nguồn tài nguyên như đất, nước, sinh học; lựa chọn giống sản phẩm phù hợp với điều kiện địa phương và thị trường...

- Đẩy mạnh, áp dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp như công nghệ số, sinh học, cơ khí hóa.

- Phát triển các dự án lớn về đào tạo nghề, cơ giới hóa, canh tác lúa gắn với tăng trưởng xanh.

- Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nâng cao, khuyến khích lựa chọn tiêu dùng hàng trong nước bằng các hình thức cạnh tranh sản phẩm bằng chất lượng và thương hiệu.

- Hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ và chuyển giao công nghệ.

Nhân rộng các mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch, nông dân làm du lịch thành công hiện nay (ở các tỉnh Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp) nhưng có quy hoạch và nghiên cứu kỹ bản sắc, đặc thù của địa phương. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Lê Linh. 2020. “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”. <https://dangcong-san.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe-voi-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc/diem-nhan-khoa-hoc-va-cong-nghe/phan-trien-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-563993.html>, truy cập ngày 06/10/2023.
2. Bộ Chính trị. 2022. *Nghị quyết 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 02/4/2022.
3. Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng. 2016. “Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 4, tr. 142-151.

4. FAO. 1989. Sustainable Development and Natural Resources Management. Rome: Twenty-Fifth Conference, FAO, Paper C 89/2-Sup. 2.
5. Gomiero, T. 2021. "Organic Agriculture: Impact on the Environment and Food Quality". In Charis M. Galanakis. 2021. *Environmental Impact of Agro-Food Industry and Food Consumption*. Academic Press. ISBN 9780128213636.
6. Gomiero, T. and et al. 2011. "Environmental Impact of Different Agricultural Management Practices: Conventional vs. Organic Agriculture". *Critical Reviews in Plant Sciences*, 30:1-2, 95-124, DOI: 10.1080/07352689.2011.554355.
7. Harwood, R.R. 1990. "A History of Sustainable Agriculture". In Clive A. Edwards, *Sustainable Agricultural Systems*. CRC Press. ISBN9781003070474.
8. Kociszewski, K. 2018. "Sustainable Development of Agriculture - Theoretical Aspects and Their Implications". *Economic and Environmental Studies*. Vol. 18, No.3 (47/2018), pp. 1119-1134.
9. Ngọc Linh. 2022. "Đổi mới sáng tạo trong ngành nông nghiệp tạo nền tảng cho phát triển bền vững". <https://consosukien.vn/doi-moi-sang-tao-trong-nganh-nong-nghiep-tao-nen-tang-cho-phat-trien-ben-vung.htm>, truy cập ngày 06/10/2023.
10. Thủ tướng Chính phủ. 2020. *Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030* (theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020).
11. Thủ tướng Chính phủ. 2022. *Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Ngày 28/02/2022.
12. Thủ tướng Chính phủ. 2023. *Quyết định 816/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Ngày 07/7/2023.
13. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2021. *Niên giám thống kê*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
14. VCCI Cần Thơ và FSPPM. 2022. *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long - Chuyển đổi mô hình phát triển và quy hoạch tích hợp 2022*. <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/72006>.
15. VCCI Cần Thơ. 2021. *Cẩm nang hỏi đáp "Đầu tư - Kinh doanh với vùng ĐBSCL"*. Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ.
16. VNS. 2019. Mekong Delta Agriculture Adapts to Climate Change. <https://vietnamnews.vn/society/535772/mekong-delta-agriculture-adapts-to-climate-change.html#rWU7MOVpFV5qfDoW.97>, truy cập ngày 09/9/2023.
17. Zegar, J.S. 2003. *Managing Sustainable Socio-Economic Development (Eco-Development)*. Monografie Opracowania 522. Warszawa: Oficyna Wydawnicza Szkoły Głównej Handlowej.